

Số: /2023/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-BXD ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Bộ Xây dựng Quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 07/2018/TT-BXD ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy định chế độ báo cáo thống kê ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2019/TT-BXD ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng chi tiết về chế độ báo cáo định kỳ; sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của các Thông tư liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 19/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/ 2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 456/TTr-SXD ngày 28 tháng 02 năm 2023; Văn bản số 815/SXD-KT&VLXD ngày 28 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2023 và thay thế Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2014 Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc ban hành Quy định một số nội dung về Quản lý vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- TT Tin học và Công báo;
- Lưu: VT, KTN (Đ).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Khánh

QUY ĐỊNH

VỀ QUẢN LÝ VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÒA BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung về quản lý phát triển, sản xuất vật liệu xây dựng và sử dụng vật liệu xây dựng vào công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đảm bảo an toàn, hiệu quả, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên.

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý và phân công trách nhiệm

1. Phát triển, sản xuất và sử dụng vật liệu xây dựng phải bảo đảm an toàn, hiệu quả, phát triển bền vững, thân thiện với môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên.

2. Vật liệu, cấu kiện sử dụng cho công trình xây dựng phải theo đúng thiết kế xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật (nếu có) đã được phê duyệt, bảo đảm chất lượng theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong quản lý về vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Điều 3. Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng

1. Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Hòa Bình được lập và phê duyệt là căn cứ để quản lý, điều hành phát triển vật liệu xây dựng đảm bảo hiệu quả, bền

vững, bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên, đáp ứng nhu cầu vật liệu trong tỉnh, cung cấp ra thị trường ngoài tỉnh và xuất khẩu; là căn cứ để xây dựng các nội dung liên quan đến quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh, đề xuất tích hợp thành phương án trong quy hoạch tỉnh Hòa Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 lập theo Luật Quy hoạch.

2. Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Hòa Bình phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hòa Bình và chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050.

Điều 4. Chính sách phát triển vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường

Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý vật liệu xây dựng.

Điều 5. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng

Thực hiện theo quy định tại Điều 6, Nghị định số 09/2021/NĐ-CP; đồng thời đánh giá sự phù hợp với Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Hòa Bình.

Chương III

SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Điều 6. Sử dụng vật liệu xây dựng và cấu kiện xây dựng trong công trình xây dựng

1. Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng và cấu kiện xây dựng khi sử dụng trong công trình xây dựng phải đảm bảo chất lượng, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tuân thủ thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật (nếu có).

2. Trong công trình xây dựng được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, tỷ lệ sử dụng vật liệu xây không nung so với tổng lượng vật liệu xây, như sau:

- Giai đoạn đến năm 2025: Tại khu vực thành phố Hòa Bình tối thiểu là 80%; Tại các khu vực còn lại tối thiểu là 70%; Đối với các công trình xây dựng từ 09 tầng trở lên phải sử dụng tối thiểu là 80%. Trong đó, ưu tiên sử dụng cấu kiện nhẹ, kích thước lớn.

- Giai đoạn đến năm 2030: Tất cả các công trình trên địa bàn tỉnh Hòa Bình sử dụng là 100%; Đối với các công trình xây dựng từ 09 tầng trở lên phải sử dụng tối thiểu là 90%.

3. Khuyến khích sử dụng vật liệu xây không nung, vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, vật liệu xây dựng

sản xuất trên địa bàn tỉnh hoặc trong nước đối với các công trình xây dựng được đầu tư bằng nguồn vốn khác.

4. Các công trình có yêu cầu đặc thù không sử dụng vật liệu xây không nung phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, chấp thuận.

Điều 7. Sử dụng amiăng trắng nhóm serpentine trong sản xuất vật liệu xây dựng

Việc sử dụng amiăng trắng nhóm serpentine trong sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình tuân thủ thực hiện theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 09/2021/NĐ-CP.

Điều 8. Quản lý việc xử lý, sử dụng chất thải trong sản xuất vật liệu xây dựng

1. Hoạt động quản lý việc xử lý, sử dụng chất thải trong sản xuất vật liệu xây dựng tuân thủ thực hiện theo quy định tại Điều 9, Nghị định số 09/2021/NĐ-CP.

2. Khuyến khích các dự án nghiên cứu, sử dụng tối đa các loại chất thải của các ngành công nghiệp làm nguyên liệu để sản xuất vật liệu xây dựng khi phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, đồng thời đảm bảo các tiêu chuẩn bảo vệ sức khỏe và bảo vệ môi trường.

Điều 9. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng và cấu kiện xây dựng

1. Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng và cấu kiện xây dựng lưu thông trên thị trường (*bao gồm các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng và cấu kiện xây dựng được sản xuất trong nước hoặc do nhập khẩu*) phải đảm bảo đủ điều kiện về chất lượng trước khi đưa ra thị trường tại tỉnh Hòa Bình được quy định tại Điều 4, Điều 7, Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (*được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa*). Trình tự, hồ sơ công bố hợp chuẩn, hợp quy được quy định cụ thể như sau:

a) Đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng nhóm 1 (*các sản phẩm, hàng hóa không thuộc danh mục tại điểm b khoản này*), việc công bố hợp chuẩn, hợp quy là hoạt động tự nguyện. Trình tự, hồ sơ công bố hợp chuẩn thực hiện theo Chương II, Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

b) Đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng thuộc nhóm 2 (*quy định tại Bảng 1, Phần 2 của QCVN 16:2019/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 19/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng*), việc công bố hợp quy là hoạt động bắt buộc. Trình tự, hồ sơ công bố hợp quy thực hiện theo Chương III, Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN và Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN.

2. Những sản phẩm vật liệu xây dựng chưa có tiêu chuẩn quốc gia thì nhà sản xuất phải có trách nhiệm công bố tiêu chuẩn cơ sở theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và phải chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm do mình sản xuất.

3. Sản phẩm vật liệu xây dựng phải được ghi đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa.

4. Sản phẩm vật liệu xây dựng đã được chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy phải tuân thủ quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dấu hợp quy và sử dụng dấu hợp quy.

Chương IV

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, SỬ DỤNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Điều 10. Báo cáo tình hình sản xuất vật liệu xây dựng của tổ chức cá nhân sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng

1. Các tổ chức cá nhân sản xuất, kinh doanh nhóm một số sản phẩm vật liệu xây dựng chủ yếu được quy định danh mục tại Biểu số 13/BCĐP, Phụ lục I, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2018/TT-BXD ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy định chế độ báo cáo thống kê ngành xây dựng; Nhóm khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (*đá xây dựng; cát, sỏi xây dựng; đất làm vật liệu san lấp*) có trách nhiệm báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực xây dựng cấp tỉnh là Sở Xây dựng và cấp huyện là phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc phòng Quản lý đô thị về tình hình sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.

2. Nội dung báo cáo theo quy định tại Biểu số 13/BCĐP, Phụ lục I, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2018/TT-BXD.

3. Thời điểm báo cáo: Trước ngày 30 tháng 5 đối với báo cáo định kỳ 6 tháng; Trước ngày 30 tháng 11 đối với báo cáo định kỳ hàng năm; Thực hiện công tác báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

Điều 11. Báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh và sử dụng vật liệu xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh và sử dụng các loại vật liệu xây dựng (*được nêu tại Khoản 1, Điều 11 của Quy định này*) trên địa giới hành chính được giao quản lý.

2. Nội dung báo cáo: Theo quy định tại Biểu số 13/BCĐP, Phụ lục I, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2018/TT-BXD; Tình hình xóa bỏ các lò sản xuất gạch đất sét nung thủ công tại địa phương.

3. Thời điểm báo cáo: Trước ngày 10 tháng 6 đối với báo cáo định kỳ 6 tháng; Trước ngày 10 tháng 12 đối với báo cáo định kỳ hàng năm; Thực hiện công tác báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 12. Báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh và sử dụng vật liệu xây dựng của Sở Xây dựng

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh và sử dụng vật liệu xây dựng trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 10, Thông tư số 02/2019/TT-BXD ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng chi tiết về chế độ báo cáo định kỳ; sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của các Thông tư liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

3. Thời điểm báo cáo: Trước ngày 20 tháng 6 đối với báo cáo định kỳ 6 tháng, trước 20 tháng 12 đối với báo cáo định kỳ hàng năm; báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Chương V

QUẢN LÝ, CÔNG BỐ GIÁ VẬT LIỆU, THIẾT BỊ CÔNG TRÌNH

Điều 13. Điều kiện đăng ký công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị công trình phải đủ điều kiện hoạt động theo quy định của Luật Đầu tư và pháp luật khác có liên quan.

2. Vật liệu xây dựng, thiết bị công trình đề nghị công bố giá phải đáp ứng các quy định về quy chuẩn kỹ thuật, được công bố hợp chuẩn, hợp quy theo quy định.

3. Đối với nhóm vật liệu xây dựng, thiết bị công trình nhập khẩu đề nghị công bố giá phải kèm theo Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa dưới dạng văn bản hoặc các hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp; Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa do nhà sản xuất hoặc thương nhân phát hành, trong đó phải nêu rõ nhà sản xuất, chế tạo và nơi sản xuất, chế tạo.

Điều 14. Giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình được công bố giá

1. Giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình là giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị công trình đề nghị công bố bằng văn bản.

2. Giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình là giá chưa có thuế giá trị gia tăng (VAT).

3. Giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình công bố là giá thống nhất giữa giá do tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị công trình đề nghị công bố và giá do đơn vị kê khai và thực hiện nghĩa vụ thuế với cơ quan quản lý thuế.

Điều 15. Công bố và niêm yết giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị công trình có trách nhiệm cung cấp thông tin về giá vật liệu xây dựng theo quy định.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị công trình phải niêm yết công khai, chính xác thông tin về giá vật liệu xây dựng tại cơ sở sản xuất.

3. Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình theo quý trước ngày 15 tháng đầu quý sau. Trường hợp cần thiết, công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình theo tháng đối với những loại vật liệu xây dựng có biến động, thời điểm công bố trước ngày 10 tháng kế tiếp sau.

4. Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn tổ, chức cá nhân sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị công trình thực hiện các thủ tục, hồ sơ đề nghị công bố giá vật liệu xây dựng theo đúng quy định.

Điều 16. Khảo sát, thu thập thông tin về giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện khảo sát thu thập thông tin giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh để công bố.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị công trình có trách nhiệm phối hợp, cung cấp trung thực, chính xác giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình với cơ quan thực hiện khảo sát, thu thập thông tin.

Điều 17. Gỡ đăng tải giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình

Giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình bị gỡ đăng tải trong các trường hợp sau:

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị công trình vi phạm chế độ báo cáo tại Điều 11; Không thực hiện trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin tại Khoản 2, Điều 17 của Quy định này.

2. Dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị công trình vi phạm quy định của pháp luật về đầu tư mà bị chấm dứt, đình chỉ hoạt động hoặc bị

tước giấy pháp khai thác (đối với các dự án khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng), vi phạm các quy định của pháp luật về thuế và các quy định khác có liên quan.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CẤP, NGÀNH, CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC QUẢN LÝ, SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 18. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý vật liệu xây dựng.
2. Hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về khuyến khích hoặc hạn chế đầu tư, sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu xây dựng.
3. Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng tại địa phương theo quy định của pháp luật. Tổ chức kiểm tra, thanh tra chất lượng các loại sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được sản xuất, lưu thông, đưa vào kinh doanh thương mại, sử dụng trong các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh và xử lý vi phạm (nếu có) trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng theo quy định.
4. Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở các dự án đầu tư/công trình sản xuất vật liệu xây dựng và các công trình phục vụ kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về xây dựng.
5. Thực hiện trách nhiệm của cơ quan chuyên ngành trong việc công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.
6. Theo dõi, thống kê, tổng hợp tình hình hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng tại địa phương. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng về các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng của địa phương.
7. Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường trong lĩnh vực khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định. Cụ thể:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng thẩm định hồ sơ môi trường đối với các dự án đầu tư xây dựng, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường đối với các Nhà máy sản xuất VLXD, cấu kiện xây dựng; các dự án khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

3. Phối hợp với Sở Xây dựng

a) Lập, quản lý: Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Hòa Bình.

b) Phối hợp cung cấp thông tin về: Kết quả thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh; Tình hình cấp giấy phép hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng; thông tin về tổng công suất khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh định kỳ hằng năm và đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại về vật liệu xây dựng nhằm giúp các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

2. Tham mưu xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo phương án phát triển các cụm công nghiệp được phê duyệt để thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra và xử lý các vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, nhiên liệu thiết yếu, năng lượng và các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về kỹ thuật an toàn đối với các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng.

4. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất vật liệu xây dựng và hỗ trợ di dời cơ sở sản xuất sản xuất vật liệu xây dựng gây ô nhiễm môi trường vào khu, cụm công nghiệp.

5. Phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện công tác quy hoạch, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đối với các dự án khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Tổ chức kiểm tra, thanh tra về tiêu chuẩn đo lường, chất lượng, nhãn hàng hóa các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được sản xuất, lưu thông trên địa bàn tỉnh;

2. Tổ chức các hoạt động khoa học kỹ thuật để giới thiệu và phổ biến những công nghệ hiện đại trong nước và thế giới trong việc thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng;

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức: Hướng dẫn, phổ biến các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và hướng dẫn thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy; Thực hiện công tác thẩm định công nghệ khai thác, chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng thuộc dự án đầu tư triển khai trên địa bàn tỉnh;

4. Tham mưu, hướng dẫn áp dụng các chính sách hỗ trợ ưu đãi về công nghệ, chuyển giao công nghệ đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ.

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan tăng cường công tác xúc tiến, đầu tư các dự án sản xuất vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, phù hợp với quy hoạch.

2. Phối hợp với Sở Xây dựng cung cấp thông tin về tình hình hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Định kỳ hằng tháng cung cấp cho Sở Xây dựng danh sách doanh nghiệp được cấp mới giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giải thể, tạm ngừng hoặc bị cấm hoạt động, bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; danh sách dự án đầu tư vào lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc chấm dứt hoạt động để tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố kiểm tra hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng của doanh nghiệp sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, chấp thuận chủ trương đầu tư.”

Điều 23. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, Ngành liên quan hướng dẫn chính sách hỗ trợ về tài chính (*nếu có*) cho các doanh nghiệp hoạt động sản xuất trên địa bàn tỉnh có công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường và hiệu quả kinh tế thấp chuyển sang sử dụng công nghệ mới, hiện đại.

2. Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, thanh tra chuyên ngành về giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

3. Phối hợp với Sở Xây dựng tham gia thực hiện công tác thu thập thông tin về giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình, công tác công bố giá.

Điều 24. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng thực hiện các quy định về: Bảo hộ lao động, an toàn, vệ sinh lao động và các quy định liên quan đến pháp luật lao động.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức kiểm tra đối với máy móc, thiết bị đưa vào sản xuất, chế biến, khai thác trong lĩnh vực vật liệu xây dựng (nếu có) đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định.

Điều 25. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Chỉ đạo lực lượng Thanh tra giao thông tăng cường, thường xuyên kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính đối với phương tiện vận chuyên khoáng sản, vật liệu xây dựng vi phạm quy định; Kiểm tra, ngăn chặn, xử lý vi phạm hành chính tại khu vực kho hàng, bến bãi, điểm tập kết khoáng sản, vật liệu xây dựng thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc: Quy hoạch mạng lưới giao thông, hệ thống điểm đầu nối giao thông trên phạm vi toàn tỉnh; Xác định phạm vi, quy mô, ranh giới các khu vực thuộc phạm vi bảo vệ an toàn tuyến luồng, các công trình trên sông thuộc phạm vi quản lý; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các dự án nạo vét, khơi thông luồng đường thủy, bến thủy nội địa thuộc thẩm quyền, trách nhiệm; xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng việc nạo vét để khai thác cát, sỏi trái phép.

3. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành trong việc kiểm tra, rà soát, hướng dẫn các Chủ đầu tư dự án khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng thực hiện các thủ tục đầu nối giao thông đảm bảo quy định.

Điều 26. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với các ngành có chức năng quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu xây dựng, đảm bảo không ảnh hưởng đến rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, công trình thủy lợi, công trình bảo vệ bờ sông, suối; đất trồng lúa... và các nội dung công việc có liên quan khác.

Điều 27. Trách nhiệm của Cục Thuế tỉnh

1. Thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân đối với việc kê khai và nộp các loại thuế, phí trong hoạt động sản xuất, lưu thông và kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp với các ngành, các cấp kiểm soát khối lượng, chất lượng, chủng loại sản phẩm vật liệu xây dựng; thực hiện việc thu thuế tài nguyên khoáng sản, môi trường theo đúng chế độ và khung thuế suất quy định.

3. Thông tin kê khai thuế của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh, khi Sở Xây dựng thực hiện thu thập thông tin về giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình, công tác công bố giá.

Điều 28. Trách nhiệm của Công an tỉnh

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, xử lý vi phạm các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh; Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện các quy định của Luật Phòng cháy, chữa cháy; Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

Điều 29. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Chỉ đạo phòng chức năng thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn, cụ thể:

1. Tổ chức chỉ đạo, tuyên truyền và hướng dẫn công tác quản lý nhà nước đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện, thành phố theo quy định của pháp luật.

2. Thường xuyên kiểm tra, thanh tra đối với tổ chức, cá nhân trong việc thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn quản lý, xử lý hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong lĩnh vực vật liệu xây dựng theo quy định của pháp luật.

3. Đề xuất việc xây dựng quy hoạch, bổ sung quy hoạch các địa điểm được phép sản xuất vật liệu xây dựng đảm bảo phù hợp với các quy định của tỉnh và điều kiện thực tế của địa phương.

4. Phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện các cuộc điều tra, thống kê các tổ chức, cá nhân thực tế khai thác, chế biến, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

5. Theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ 06 tháng, 01 năm và đột xuất về tình hình đầu tư, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, tình hình sản xuất vật liệu xây dựng của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn gửi Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo theo quy định.

6. Phối hợp với Sở Xây dựng công tác công bố giá và thu thập thông tin về giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn theo địa giới hành chính được giao quản lý.

Điều 30. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng

1. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Khoáng sản và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong ranh giới mỏ; khai thác, chế biến hợp lý tiết kiệm đúng thiết kế mỏ, thực hiện an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ và phục hồi môi trường - môi sinh - đất đai; bảo đảm quyền lợi của Nhân dân địa phương nơi hoạt động khai thác mỏ, ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương nơi có hoạt động khoáng sản, bồi thường các thiệt hại do hoạt động khoáng sản của mình gây ra...

3. Trước khi đi vào hoạt động khai thác cần cắm mốc ranh giới khu vực khai thác; hoàn thiện đầy đủ các thủ tục pháp lý liên quan trước khi xây dựng cơ bản và đi vào khai thác.

4. Thực hiện kê khai giá, niêm yết giá và bán đúng giá niêm yết theo quy định. Khi có biến động về giá thì các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm gửi văn bản về Sở Xây dựng và Sở Tài chính để tổng hợp, theo dõi.

5. Tuân thủ các quy định về thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 06 tháng và 01 năm hoặc đột xuất tình hình đầu tư, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, tình hình sản xuất vật liệu xây dựng về phòng Kinh tế và Hạ tầng, phòng Quản lý đô thị để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối tổ chức hướng dẫn, đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng Văn bản về Sở Xây dựng để được hướng dẫn và tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.